

CHỌN IS / ARE / AM / WAS

| TODAY | YESTERDAY |
|-------------------------------|-------------------------------|
| DẠNG KHẲNG ĐỊNH | DẠNG KHẲNG ĐỊNH |
| 1. I _____ tired. | 1. I _____ tired. |
| 2. The table _____ red. | 2. The table _____ red. |
| 3. Your sister _____ short. | 3. Your sister _____ short. |
| 4. Where _____ Nam from?. | 4. Where _____ Nam from?. |
| 5. She _____ eight years old. | 5. She _____ eight years old. |
| DẠNG PHỦ ĐỊNH | DẠNG PHỦ ĐỊNH |
| 6. I _____ at the museum. | 6. I _____ at the museum. |
| 7. Ben _____ slow. | 7. Ben _____ slow. |
| 8. Emma _____ strong. | 8. Emma _____ strong. |
| 9. The cat _____ hungry. | 9. The cat _____ hungry. |
| 10. He _____ funny. | 10. He _____ funny. |